

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2022

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ TRÚNG TUYỂN NĂM 2022**

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điểm tổng
1.	Trần Anh	Tuấn	Nam	01/12/1970	Bình Thuận	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh.)	82,4
2.	Trình Ngô	Bình	Nam	01/11/1987	Sóc Trăng	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh.)	76,6
3.	Trịnh Ngọc Thảo	Vy	Nữ	04/08/1988	Đắk Lắk	Khoa học y sinh (Hóa sinh)	69
4.	Lâm Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	18/02/1991	Quảng Ngãi	Khoa học y sinh (Sinh lý học.)	78,6
5.	Nguyễn Phú	Khánh	Nữ	12/04/1983	Long An	Khoa học y sinh (Sinh lý học.)	64,8
6.	Lương Hồng	Loan	Nữ	11/08/1989	TP.HCM	Khoa học y sinh (Vi sinh y học.)	72,4
7.	Lê Hồng	Chính	Nam	17/11/1978	Quảng Bình	Hội sức cấp cứu và chống độc	77
8.	Trần Quốc	Tuấn	Nam	12/12/1983	TP.HCM	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não.)	87,2
9.	Lý Hữu	Tuấn	Nam	19/09/1984	TP.HCM	Ngoại khoa	87,2
10.	Dương Huỳnh	Thiện	Nam	12/7/1978	Đồng Tháp	Ngoại khoa	86,4
11.	Trần Vĩnh	Thọ	Nam	5/11/1972	Cà Mau	Ngoại khoa	84,6
12.	Nguyễn Phúc	Thịnh	Nam	24/12/1985	Đà Nẵng	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình.)	83

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điểm tổng
13.	Lê Duy Mai	Huyền	Nữ	21/06/1981	TP.HCM	Ngoại khoa	80,6
14.	Huỳnh Trung	Nghĩa	Nam	1/9/1989	Trà Vinh	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não.)	78
15.	Lê Trịnh Ngọc	An	Nam	21/01/1989	TP.HCM	Ngoại khoa	76,8
16.	Phạm Thanh	Bình	Nam	27/11/1988	Bạc Liêu	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não.)	73,4
17.	Trần Quang	Đạt	Nam	10/7/1990	Đà Nẵng	Ngoại khoa	71
18.	Phạm Hải	Đăng	Nam	1/1/1990	Long An	Ngoại khoa	68,2
19.	Tiêu Loan Quang	Lâm	Nam	6/1/1986	Long An	Ngoại khoa	66,6
20.	Trần Việt	Hoàng	Nam	4/6/1987	Cần Thơ	Ngoại khoa (Ngoại - nhi.)	61,8
21.	Phạm Thanh	Hải	Nam	10/01/1979	TP.HCM	Sản phụ khoa	80,4
22.	Cao Thị Mai	Phương	Nữ	15/04/1990	TP.HCM	Sản phụ khoa	74,8
23.	Đỗ Đăng	Trí	Nam	09/01/1989	Minh Hải	Nhi khoa	83,4
24.	Vũ Thị Mai	Uyên	Nữ	25/02/1989	Đồng Nai	Nhi khoa	83,4
25.	Nguyễn Tường	Vy	Nữ	01/12/1991	TP.HCM	Nội khoa (Thần kinh.)	79,75
26.	Đặng Thị Huyền	Thương	Nữ	16/12/1987	Hà Tĩnh	Nội khoa (Thần kinh.)	78
27.	Lê Đình	Quang	Nam	11/09/1983	TP.HCM	Nội khoa	83,75
28.	Võ Thị Lương	Trân	Nữ	06/10/1978	Ninh Thuận	Nội khoa	81,0
29.	Nguyễn Công	Thành	Nam	24/11/1988	Gia Lai	Nội khoa	74,0

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điểm tổng
30.	Lê Nguyễn Xuân	Điền	Nam	31/05/1987	TP.HCM	Nội khoa	71,4
31.	Trần Đăng	Khoa	Nam	23/02/1986	Đồng Tháp	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm.)	78,2
32.	Nguyễn Hữu Đức	Minh	Nam	26/07/1987	TP.HCM	Y học cổ truyền	67,0
33.	Nguyễn Thị Hồng	Loan	Nữ	15/09/1985	TP.HCM	Tai - Mũi - Họng	80,8
34.	Trần Ngọc Tường	Linh	Nam	25/09/1987	TP.HCM	Tai - Mũi - Họng	78,6
35.	Khuru Minh	Thái	Nam	05/10/1974	An Giang	Tai - Mũi - Họng	77,6
36.	Phạm Trung	Việt	Nam	16/03/1989	Sóc Trăng	Tai - Mũi - Họng	70,8
37.	Phan Thị Kim	Phụng	Nữ	01/01/1991	Thừa Thiên Huế	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	77,2
38.	Nguyễn Thị Đức	Hạnh	Nữ	31/10/1987	TP.HCM	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	72,0
39.	Nguyễn Ngọc	Lê	Nam	11/12/1984	Vĩnh Long	Hóa dược	81,2
40.	Phạm Toàn	Quyền	Nam	30/01/1988	Đồng Nai	Hóa dược	79,0
41.	Phạm Thị Kiều	Dung	Nữ	09/02/1982	Hà Nội	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	65,4
42.	Phạm Thị Lan	Anh	Nữ	10/07/1981	Hà Nội	Răng Hàm Mặt	89,2
43.	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	Nữ	12/06/1981	TP.HCM	Răng Hàm Mặt	88,2
44.	Trần Ngọc Minh	Duyên	Nữ	27/09/1982	TP.HCM	Răng Hàm Mặt	87,0
45.	Đậu Cao	Lượng	Nam	10/11/1992	Bình Phước	Răng Hàm Mặt	87,0
46.	Nguyễn Phước	Lợi	Nam	30/12/1992	Quảng Bình	Răng Hàm Mặt	84,8

STT	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Điểm tổng
47.	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	03/11/1994	Đắk Lắk	Răng Hàm Mặt	83,8
48.	Nguyễn Thị	Thư	Nữ	02/04/1981	Quảng Ngãi	Răng Hàm Mặt	81,0
49.	Hoàng Ái	Kiên	Nữ	14/05/1986	Cà Mau	Răng Hàm Mặt	80,0

Ấn định sinh sách 49 thí sinh (bốn mươi chín)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Bắc